

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2025
V/v Xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đạt

2. Bà Phan Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Cường là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Tộc trường hợp không tham gia.

Trong các ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **108/2025/TLST-HNGĐ** ngày **09** tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Tống Ngọc T**, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ 19, khu phố Kiên Tân, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ 19, khu phố Kiên Tân, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

(Bà T có mặt, ông T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Tống Ngọc T trình bày:

Tôi và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn.

Nguyên nhân xin ly hôn: Lúc đầu vợ chồng chung sống với nhau cũng hạnh phúc, nhưng càng về sau chúng tôi càng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, bất đồng ý kiến, quan điểm với nhau nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc như trước kia, chúng tôi đã ngồi xuống nói chuyện tìm cách giải quyết nhiều lần nhưng không T, nay tình cảm vợ chồng đã hết, vì vậy tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị Thanh T1, sinh ngày 19/9/2000; Trần Thị Thanh T2, sinh ngày 27/5/2006 và Trần Thị Thanh T3, sinh ngày 23/6/2007. Cháu T1, cháu T2 đã trưởng T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi xin nuôi dưỡng cháu T3 đến tuổi trưởng T, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa T2, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Tôi và bà Tống Ngọc T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn. Lúc đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung và đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Nay bà T yêu cầu xin ly hôn thì tôi cũng đồng ý.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Trần Thị Thanh T1, sinh ngày 19/9/2000; Trần Thị Thanh T2, sinh ngày 27/5/2006 và Trần Thị Thanh T3, sinh ngày 23/6/2007. Thống nhất với ý kiến của bà T.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa T2, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về việc "Ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn ông Trần Văn T, có nơi cư trú tại: Tổ 19, khu phố Kiên Tân, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đối với quan hệ hôn nhân và con chung của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trần Văn T có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Tống Ngọc T và ông Trần Văn T chung sống với nhau từ năm 1999 đến nay nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa ông, bà đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 9 quy định: “1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý; 2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn”. Ông, bà là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 14 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này...”. Bà T có yêu cầu xin ly hôn, ông T cũng đồng ý nhưng hôn nhân giữa ông, bà không có đăng ký kết hôn, nên xét không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 53 quy định: “1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; 2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

[4] Về con chung: Có 03 người con chung tên Trần Thị Thanh T1, sinh ngày 19/9/2000; Trần Thị Thanh T2, sinh ngày 27/5/2006 và Trần Thị Thanh T3, sinh ngày 23/6/2007. 02 cháu T1 và T2 đã trưởng T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T3 thì giao cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng T, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Bà T có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 144, 146, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 14, 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tống Ngọc T và ông Trần Văn T.

- Về con chung: 02 cháu Trần Thị Thanh T1, sinh ngày 19/9/2000; Trần Thị Thanh T2, sinh ngày 27/5/2006 đã trưởng T, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không xem xét. Giao cháu Trần Thị Thanh T3, sinh ngày 23/6/2007 cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng T (đủ 18 tuổi), bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên ghi nhận.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa T2 nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

- Về án phí: Bà Tống Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai T số 0009486 ngày 09/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên bà T không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Bà T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T2 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

Nguyễn Văn Pho